

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN L  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2020/HS-ST.

Ngày: 21 – 9 - 2020.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Dương Thị Thanh Hoa.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Thanh Rục.

Ông Huỳnh Quyết Chiến.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hiệp Văn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông Hà Quang Duy – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 18/2020/TLST-HS ngày 01 tháng 9 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2020/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Võ Quốc Đ, sinh ngày 04/8/2001; nơi sinh: Tại tỉnh Sóc Trăng; Nơi cư trú: Ấp Phú H, xã Phú H, huyện L, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ Quốc Kh, sinh năm 1970 và bà Lương Thị Mỹ L, sinh năm 1976; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10/7/2020 cho đến nay (có mặt).

**- Bị hại:** Trần Quang T; sinh năm 1962; nơi cư trú: ấp An Đ, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

**- Người tham gia tố tụng khác (Người làm chứng):**

1. Ông Trương Văn B, sinh năm 1956; nơi cư trú: Ấp An Đ, thị trấn Đại Ng, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

2. Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1959; nơi cư trú: Ấp An Đ, thị trấn Đại Ng, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo là người làm thuê cho Cơ sở nước uống đóng bình của ông Trương Văn Bo. Vào sáng ngày 18/5/2020, ông Trần Quang T dùng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, dung lượng 128GB, màu đen, có ốp lưng bằng nhựa màu xanh gọi kêu ông Bo giao nước uống. Sau khi gọi xong, ông Tấn để điện thoại trên bàn ở nhà sau và đi làm công việc nhà. Đến khoảng 08 giờ cùng ngày, bị cáo được ông Bo phân công chở nước đóng bình đến giao cho ông Tấn; khi bị cáo mang bình nước vào nhà sau của ông Tấn thì phát hiện trên bàn có một điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus mà ông Tấn để trước đó nên bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt; bị cáo lấy điện thoại bỏ vào túi quần trước bên trái rồi đi về nhà và giấu điện thoại vừa lấy trộm được ở dưới nệm ngủ của bị cáo. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, ông Tấn phát hiện bị mất điện thoại nên đã trình báo Công an thị trấn Đại Ngãi. Sau đó, Công an đã mời bị cáo lên làm việc, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và giao nộp điện thoại.

Tại kết bản luận định giá tài sản số 08/KL.HĐĐGTS ngày 02/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện L kết 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, dung lượng 128GB, màu đen, màn hình cảm ứng (đã qua sử dụng) có giá trị là 3.800.000 đồng. Đối với ốp lưng bằng nhựa màu xanh, ông Tấn không yêu cầu định giá nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L không tiến hành định giá.

Tại bản cáo trạng số: 17/CT-VKS-LP ngày 01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng đã truy tố bị cáo Võ Quốc Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Võ Quốc Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Võ Quốc Đ phạm Tội trộm cắp tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù; Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Trần Quang T không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nên không đặt ra xem xét; Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã xử lý trả lại cho bị hại Trần Quang T nên không đặt ra xem xét.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, bản kết luận định giá tài sản số 08/KL.HĐĐGTS ngày 02/6/2020 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện L. Tại lời nói sau cùng bị cáo không có yêu cầu gì

Trong quá trình điều tra bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, bản kết luận định giá tài sản số 08/KL.HĐĐGTS ngày 02/6/2020 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện L; không yêu cầu bị cáo bồi thường cho bị hại và yêu cầu xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra huyện Long Phú, Điều tra Viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt bị hại Trần Quang T; người làm chứng Trương Văn Bo, Huỳnh Thị Hương. Xét thấy, bị hại Trần Quang T; người làm chứng Trương Văn Bo, Huỳnh Thị Hương có đơn xin xét xử vắng mặt và sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử và tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát, bị cáo không yêu cầu hoãn phiên tòa. Căn cứ vào Điều 292, Điều 293 và Điều 299 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai rõ hành vi phạm tội của mình như tại cơ quan Điều tra, lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như kết luận định giá tài sản số 08/KL.HĐDGTS ngày 02/6/2020 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện L, hiện trường vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng cụ thể: Do xuất phát từ lòng tham nên vào khoảng 08 giờ ngày 18/5/2020, tại nhà của bị hại Trần Quang T thuộc ấp An Đức, thị trấn Đại Ngãi, huyện L, tỉnh Sóc Trăng bị cáo Võ Quốc Đ đã có hành vi lén lút lấy trộm 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng (đã qua sử dụng) nhãn hiệu Iphone 7 Plus, dung lượng 128GB, màu đen, có ốp lưng bằng nhựa màu xanh của bị hại Trần Quang T có giá trị là 3.800.000 đồng. Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị là 3.800.000 đồng mà bị cáo đã thực hiện phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[4] Do đó, cáo trạng số 17/CT-VK-SLP ngày 01/9/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện L truy tố bị cáo Võ Quốc Đ về tội danh và khung hình phạt nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan cho bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo thực hiện với lỗi cố ý. Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân mà còn gây mất trật tự trị an xã hội, gây hoang mang cho quần chúng nhân dân. Cho nên, đối với bị cáo cần phải có mức hình phạt thật nghiêm khắc để bị cáo có thời gian tâm đắc sửa chữa lỗi lầm, cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho xã hội, góp phần phòng chống tội phạm chung.

Để có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra, khi quyết định hình phạt cần xem xét đến nhân thân và các tình tiết

tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo nên Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo có nhân thân tốt thể hiện việc bị cáo không có tiền án, tiền sự. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo có ông nội là ông Võ Văn Bê là người có công với cách mạng. Do đó, cần cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Trần Quang T không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L đã tạm giữ: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, dung lượng 128GB, màu đen, màn hình cảm ứng (đã qua sử dụng) và đã trả lại cho bị hại Trần Quang T nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 án phí hình sự sơ thẩm và theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

[9] Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên về tội danh, về hình phạt, việc áp dụng pháp luật là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố: Bị cáo Võ Quốc Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 38; điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Võ Quốc Đ.

Xử phạt bị cáo Võ Quốc Đ 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện đi thi hành án hoặc từ ngày bị cáo bị bắt để thi hành án.

2. Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Buộc bị cáo Võ Quốc Đ phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với bị hại vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Bị hại;
- VKSND huyện L;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- CQĐT CA huyện L;
- Cơ quan THAHS CA huyện L;
- Nhà tạm giữ CA huyện L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Dương Thị Thanh Hoa**